

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN U MINH THƯỢNG
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 43/2024/DS-ST

Ngày: 21-08-2024

*“V/v tranh chấp hợp đồng
vay tài sản”*

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN U MINH THƯỢNG, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Tấn Lợi

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Hoàng Khởi

2. Ông Nguyễn Văn Mẫn

- Thư ký phiên tòa: Bà Quách Huỳnh Như – Thư ký Tòa án nhân dân huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện U Minh Thượng tham gia phiên tòa: Ông Huỳnh Hải Đăng – Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 08 năm 2024, tại phòng xử án Tòa án nhân dân huyện U Minh Thượng, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 86/2024/TLST-DS, ngày 03 tháng 7 năm 2024 về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 47/2024/QĐXXST-DS, ngày 22 tháng 07 năm 2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng C

Địa chỉ: Số A phố L, phường H, quận H - Hà Nội.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trương Ngọc T – Giám đốc phòng giao dịch Ngân hàng CSXH huyện U.

2. Bị đơn: Bà Thị D, sinh năm 1962 và ông Danh V, sinh năm 1978

Địa chỉ: Ấp X, xã T, huyện U, Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 21/5/2024 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn Đại diện Ngân hàng C trình bày:

Vào ngày 16/11/2016 ông Danh V và bà Thị D có vay vốn tại phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện C số tiền vay là 37.000.000 đồng (Ba mươi bảy triệu đồng chẵn) vay theo chương trình cho vay hộ cận nghèo, thời hạn vay 60 tháng, lãi suất 0,66%/tháng. Mục đích vay: để chăn nuôi heo và tôm lúa. Hạn trả nợ cuối cùng vào ngày 15/11/2021. Số tiền nợ đến ngày 21/5/2024 là 30.000.000 đồng tiền gốc. Hiện nay món vay này đã quá hạn.

Nay Ngân hàng chính sách xã hội yêu cầu: Buộc ông Danh V và bà Thị D trả cho Ngân hàng chính sách xã hội huyện C số tiền gốc 30.000.000 đồng tiền gốc không yêu cầu tính lãi. Vì lý do ông V được miễn lãi đến ngày 29/10/2024.

Tại Biên bản hòa giải ngày 19/7/2024 bị đơn ông Danh V trình bày:

Ông có vay Ngân hàng chính sách xã hội phòng giao dịch huyện U số tiền gốc 37.000.000 đồng, vay vốn chương trình hộ cận nghèo, tới năm 2022 ông đã thanh toán dứt lãi cho Ngân hàng C. Hiện ông còn nợ lại Ngân hàng chính sách xã hội số tiền 30.000.000 đồng.

Nay ông đồng ý trả nợ cho Ngân hàng chính sách, nhưng xin trả đến cuối năm 2025.

Từ khi Tòa án thụ lý vụ án cho đến nay bà Thị D không đến Tòa án và không có ý kiến trình bày.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Tòa án đã triệu tập bà Thị D theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, nhưng bà Thị D vắng mặt tại phiên tòa, cho nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà Thị D là đúng theo quy định tại Điều 227; 228 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

[2]. Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Nguyên đơn Ngân hàng C yêu cầu ông Danh V và bà Thị D trả tiền vay gốc là 30.000.000 đồng và tiền lãi. Đây là tranh chấp hợp đồng dân sự được quy định tại khoản 3 điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 vụ kiện này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện U Minh Thượng.

[3]. Về nội dung tranh chấp:

Tại phiên tòa nguyên đơn Ngân hàng C yêu cầu ông Danh V và bà Thị D phải có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng C số tiền gốc: 30.000.000 đồng và yêu cầu tính lãi từ ngày 30/10/2024 đến khi thi hành xong. Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ chấp nhận bởi lẽ:

Theo giấy đề nghị vay vốn kiêm phương án sử dụng vốn vay ngày 03/11/2016 Ngân hàng chính sách xã hội phòng giao dịch huyện U, cho ông Danh V và bà Thị D vay số tiền: 37.000.000 đồng lãi suất 0,66%/tháng hạn vay 60 tháng

hạn trả nợ cuối cùng là ngày 15/10/2021. Mục đích vay: chăn nuôi heo, tôm lúa. Hạn trả nợ cuối cùng vào ngày 15/11/2021. Số tiền nợ đến ngày 21/5/2024 là 30.000.000 đồng tiền gốc. Đến nay bà D, ông V chưa trả gốc và lãi cho Ngân hàng chính sách do đó bà D, ông V phải có nghĩa vụ trả số tiền gốc và lãi cho Ngân hàng chính sách xã hội là phù hợp với Điều 466 và Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

Tại phiên tòa đại diện VKS ý kiến: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, Nguyên đơn, bị đơn ông Danh V thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn bà Thị D chưa thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Về nội dung: Đề nghị chấp nhận yêu cầu nguyên đơn, Buộc bị đơn trả cho Ngân hàng C – phòng giao dịch huyện U số tiền 30.000.000 đồng. Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4]. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Thị D và ông Danh V phải nộp án phí giá ngạch theo Nghị quyết số: 326 ngày 30/12/2016 của Quốc hội. Ngân hàng C không phải nộp án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Điều 26, 227, 228, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Áp dụng các Điều 463 và Điều 466; 468 Bộ luật Dân sự 2015; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng chính sách xã hội đối với bị đơn bà Thị D và ông Danh V về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

2. Buộc bà Thị D và ông Danh V có trách nhiệm trả cho Ngân hàng C phòng giao dịch huyện U tỉnh Kiên Giang số tiền: 30.000.000 đồng (Ba chục triệu đồng chẵn).

3/ Kể từ ngày 30/10/2024 cho đến khi thi hành xong bản án, nếu bà Thị D và ông Danh V không thanh toán số tiền nêu trên, thì bà Thị D và ông Danh V còn phải chịu lãi suất số tiền chậm trả theo lãi suất thỏa thuận ghi trong giấy đề nghị vay vốn kiêm phương án sử dụng vốn vay ngày 03/11/2016.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Thị D và ông Danh V phải nộp án phí giá ngạch số tiền: 30.000.000 đồng x 5% = 1.500.000 đồng (Một triệu năm trăm ngàn đồng chẵn). Bà Thị D là người cao tuổi, nên được miễn án phí theo quy định tại

điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội. Ông Danh V phải nộp: 750.000 đồng.

Ngân hàng C không phải nộp án phí.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn bà Thị D vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận (niêm yết) Bản án.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7; 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự”

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh KG;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện UMT;
- Chi cục Thi hành án DS huyện UMT;
- Các đương sự;
- Lưu hs.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Tấn L

